TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2018
Về việc: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.
Bà Mai Thị Kim Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị Thanh T**, sinh năm 1978.
Địa chỉ: A Châu Văn G, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông **Trần Thúc V**, sinh năm 1973.
Địa chỉ: B Nguyễn Đình C, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà T có mặt, ông V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2018 và các lời trình bày của bà Võ Thị Thanh T có nội dung:

Năm 1998, bà quen biết và kết hôn với ông Trần Thúc V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã T, tỉnh Long An. Bà và ông V chung sống hạnh

phúc một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: bà và ông V có 01 con chung tên Trần Ngọc Thanh T sinh ngày 04/4/2000. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Trần Thúc V, đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông V không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Phiên tòa hôm nay, ông V cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về tình cảm: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung, tuy nhiên do con chung đã trưởng thành, có thể tự lập nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Võ Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thúc V có địa chỉ cư trú tại thành phố Tân An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn là ông Trần Thúc V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông V đến các phiên tòa

sơ thẩm nhưng ông V không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt ông V là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh T và ông Trần Thúc V tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An năm 1998 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà T yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến của ông là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông V đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

[4] Về con chung: bà T và ông V có một (01) con chung tên Trần Ngọc Thanh T sinh ngày 04/4/2000. Thấy rằng, con chung hiện đang sống với bà T nay đã đủ 18 tuổi, có thể tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thanh T, cho bà Võ Thị Thanh T ly hôn với ông Trần Thúc V.

2. Về con chung: bà Võ Thị Thanh T và ông Trần Thúc V có 01 con chung tên Trần Ngọc Thanh T sinh ngày 04/4/2000 đã trưởng thành.

3. Về án phí: bà Võ Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001850 ngày 22/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thành án phí dân sự sơ thẩm, bà T đã nộp đủ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh